



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Hưng Thịnh Incons

Ngày 31/12/2025	8,700 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-7.8%	-	-

DT thuần Q4/25
99.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼63.9 -39.2%
YoY: ▼34.9 -26.0%

LN thuần Q4/25
-31.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼34.8 -1169%
YoY: ▼39.5 -512%

LN sau thuế Q4/25
-27.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼28.8 -1813%
YoY: ▼32.1 -653%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
36.0%
YoY: +/-▲ 12.1%

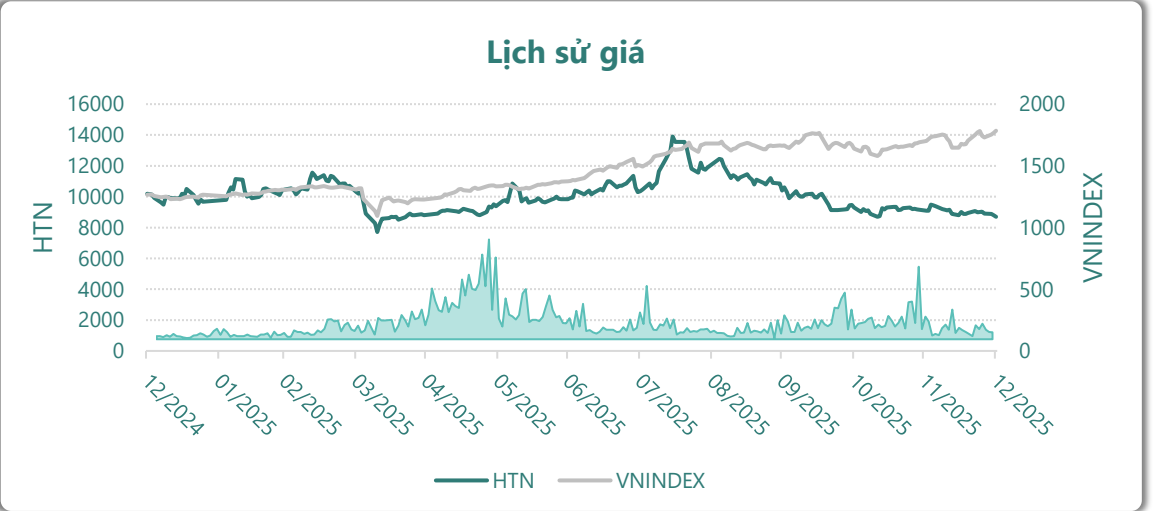
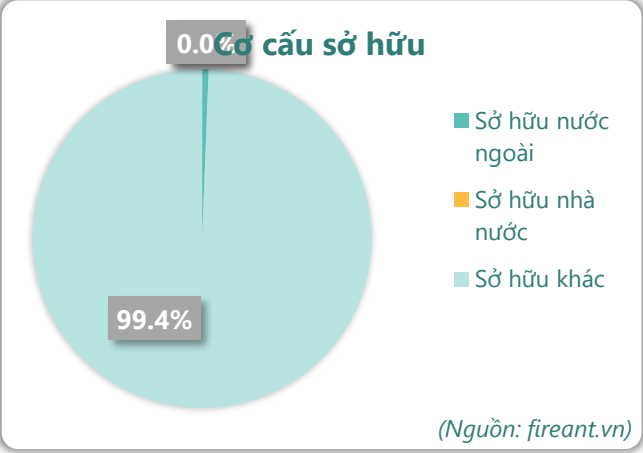
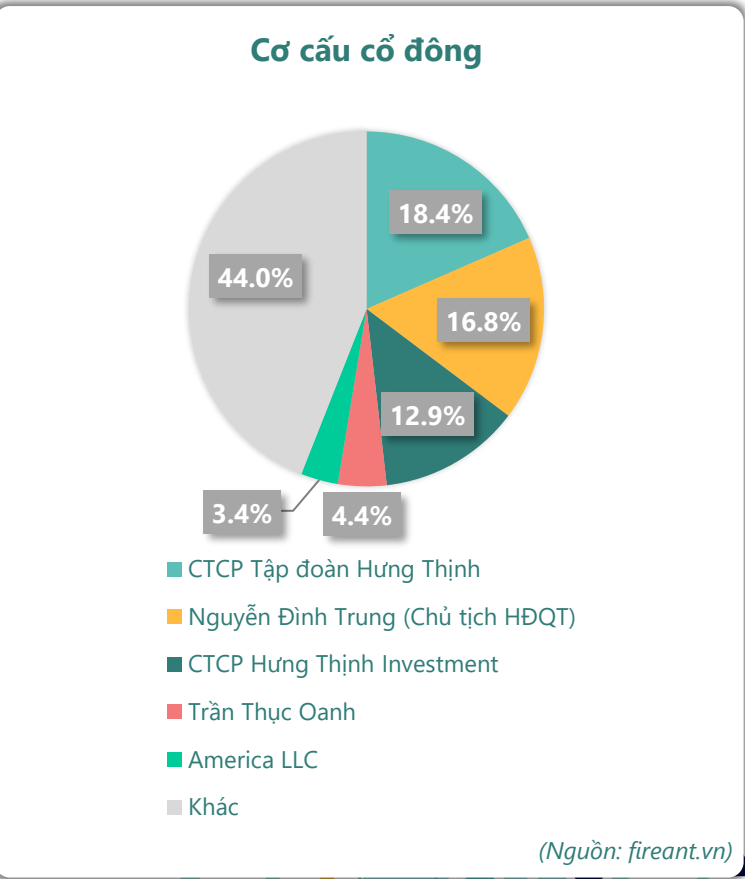
ROE 2025
1.2%
YoY: +/-▼ 0.5%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	7,710 - 13,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	775
Số lượng CPLH (CP)	89,116,411
KLGD BQ 20 phiên (CP)	164,995
Sở hữu nước ngoài	0.6%
Beta	1.13
EPS	206
P/E	42.1

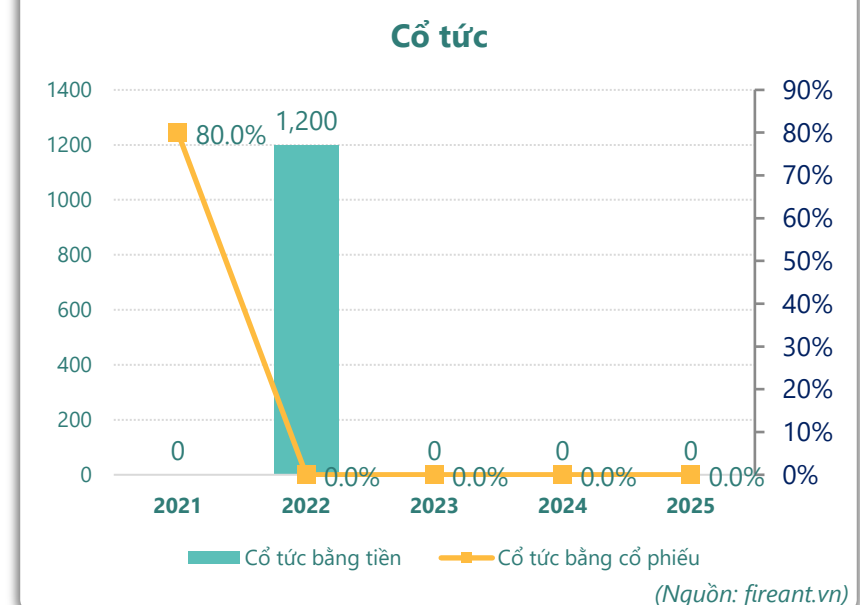
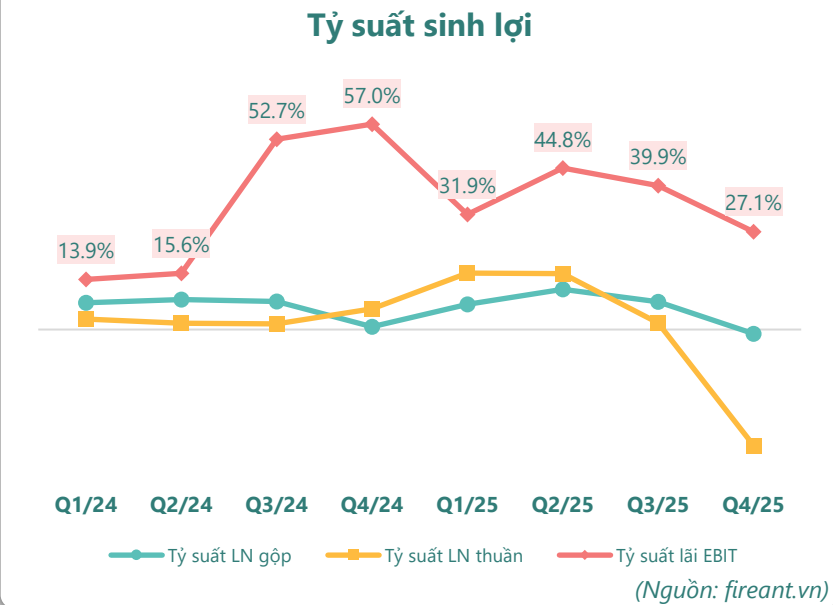
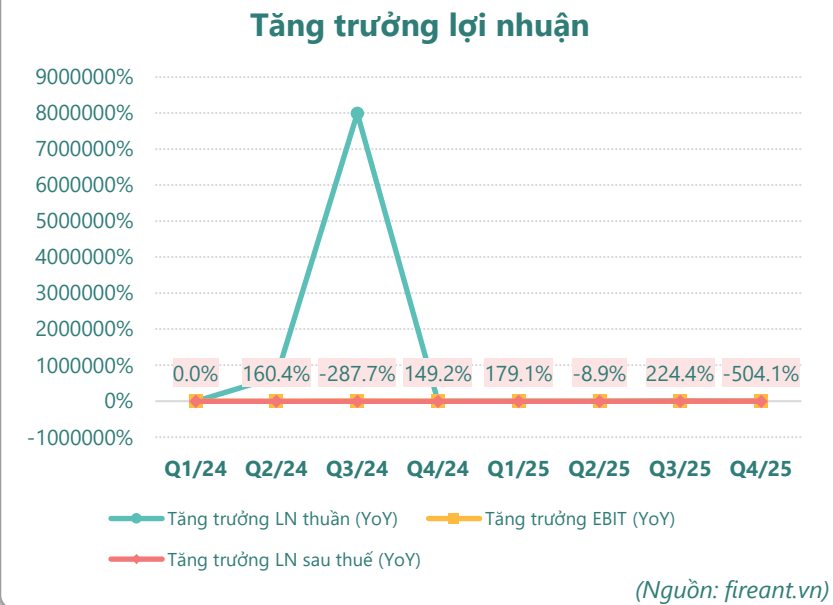
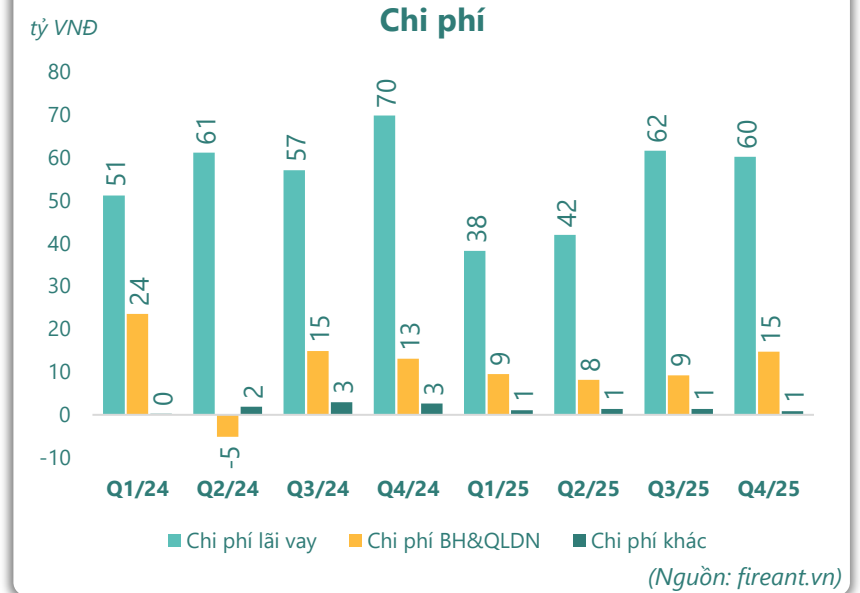
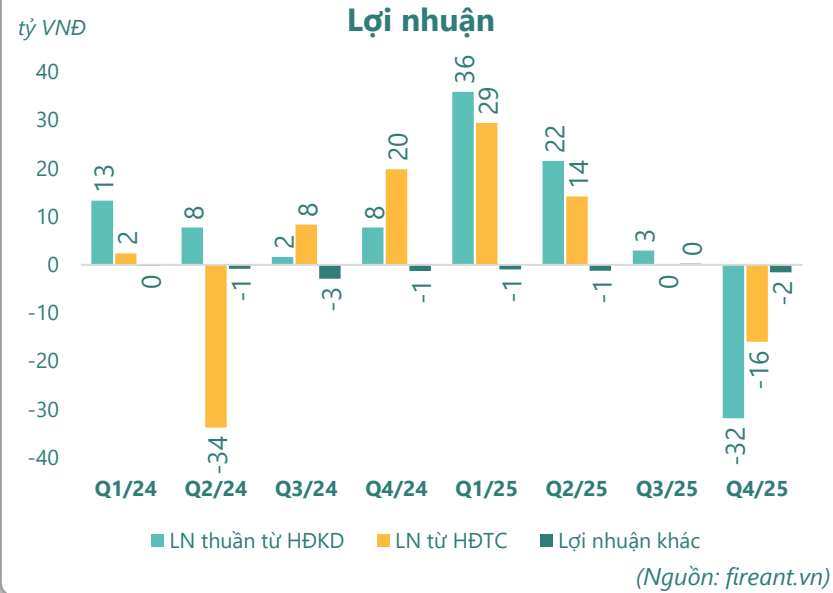
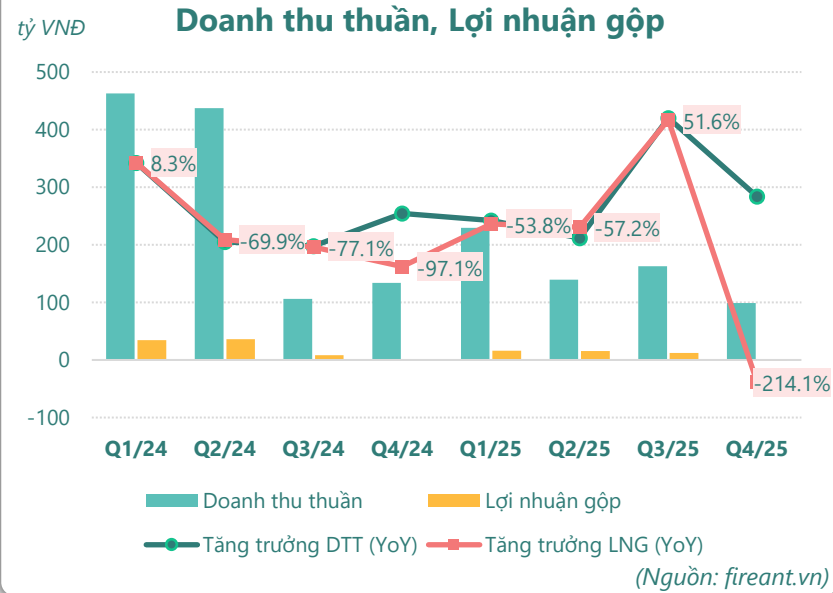
DT thuần 2025
631
tỷ VNĐ
YoY: ▼509 -44.7%

LN thuần 2025
28.6
tỷ VNĐ
YoY: ▼7.70 -21.1%

LN sau thuế 2025
18.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼7.30 -28.4%



KẾT QUẢ KINH DOANH

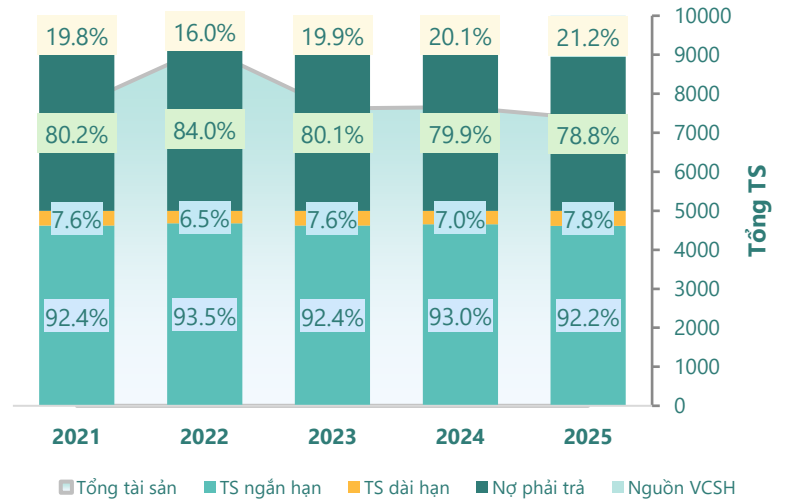


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

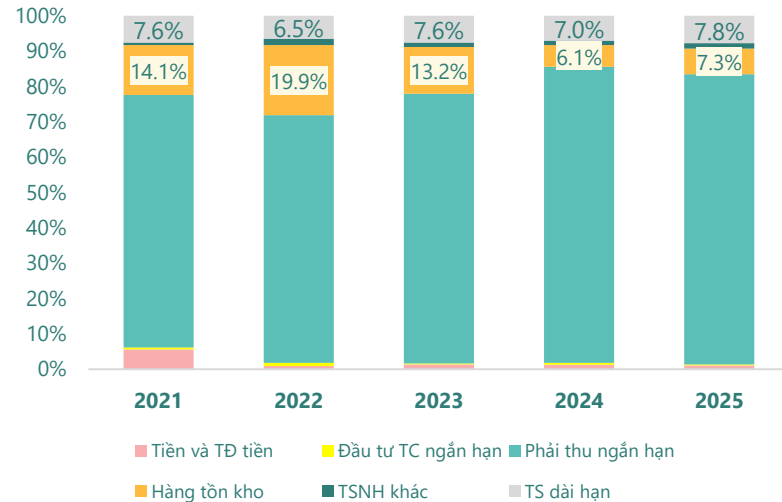
tỷ VNĐ

Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

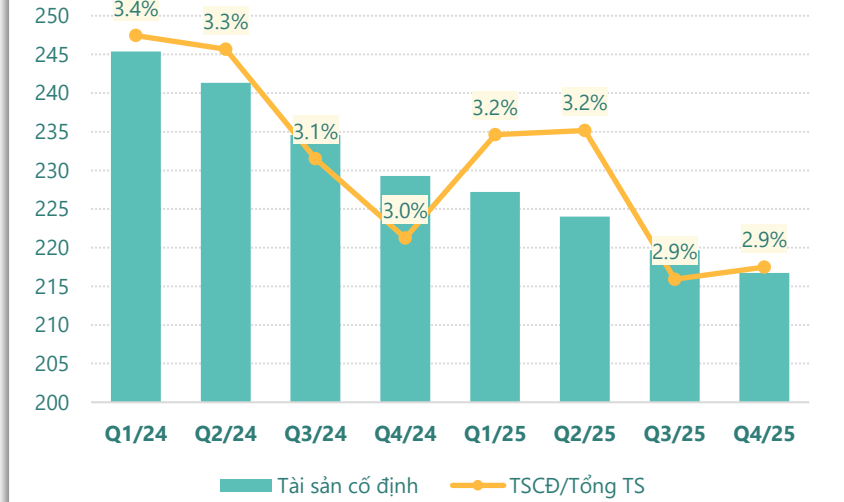
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

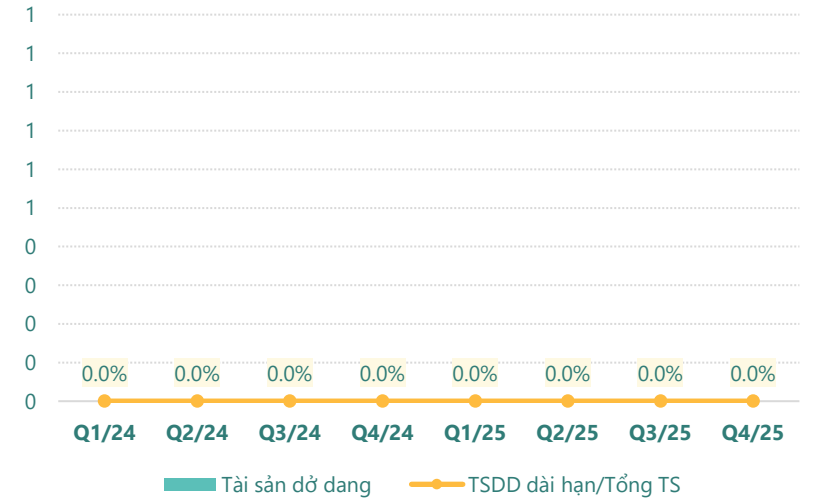
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

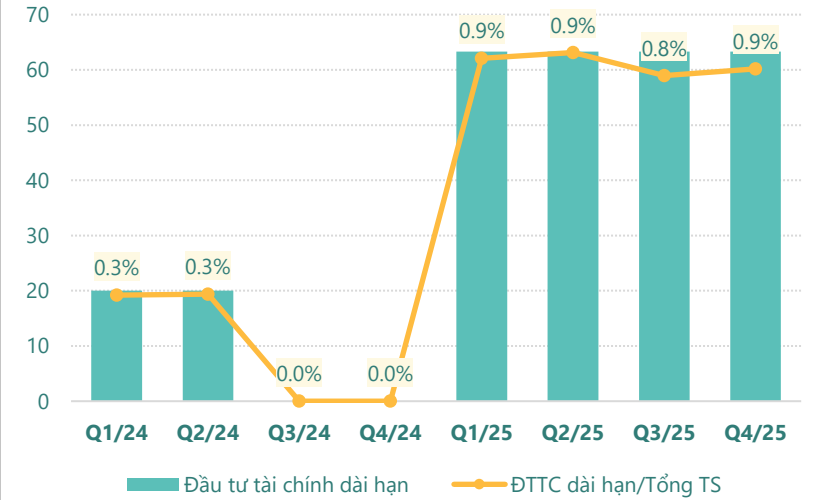
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

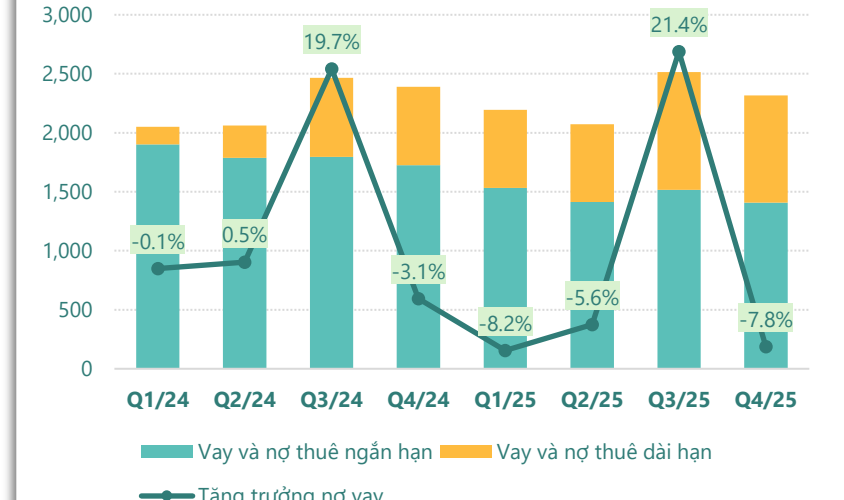
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

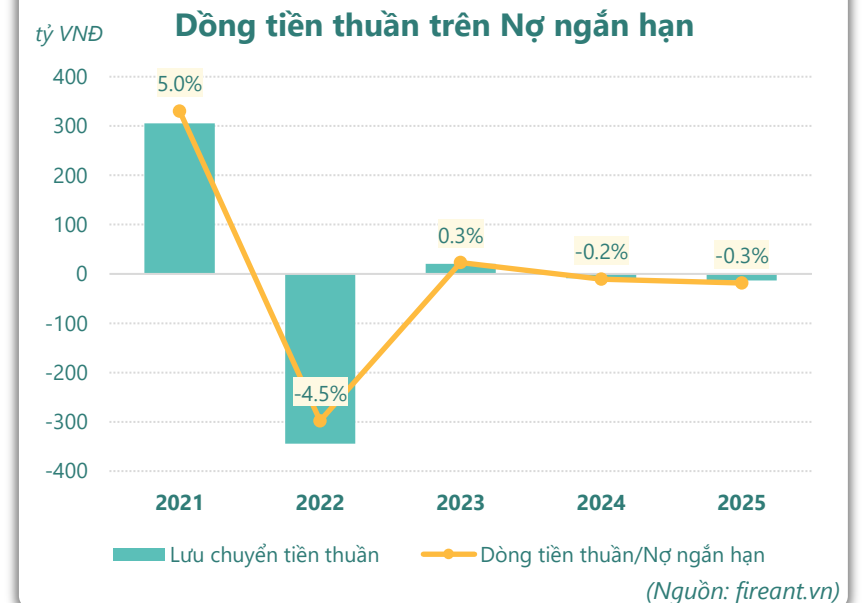
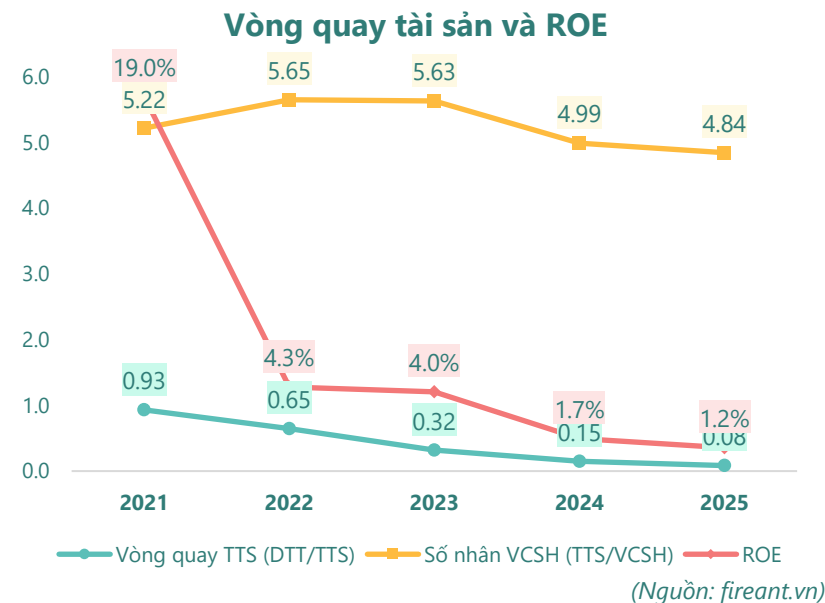
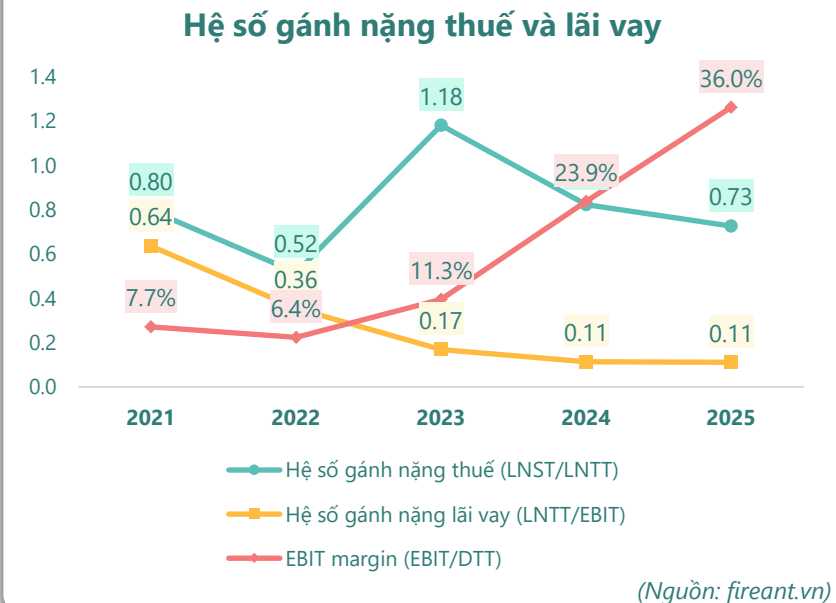
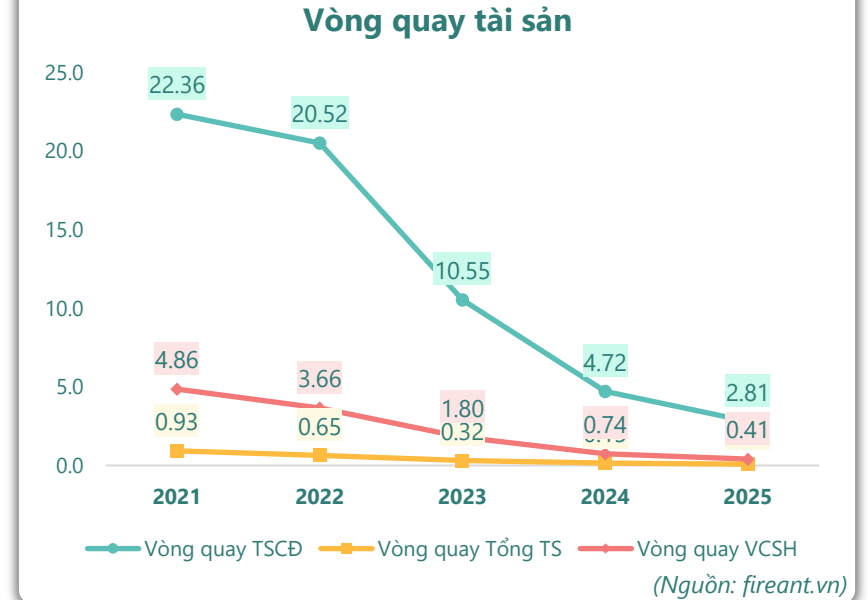
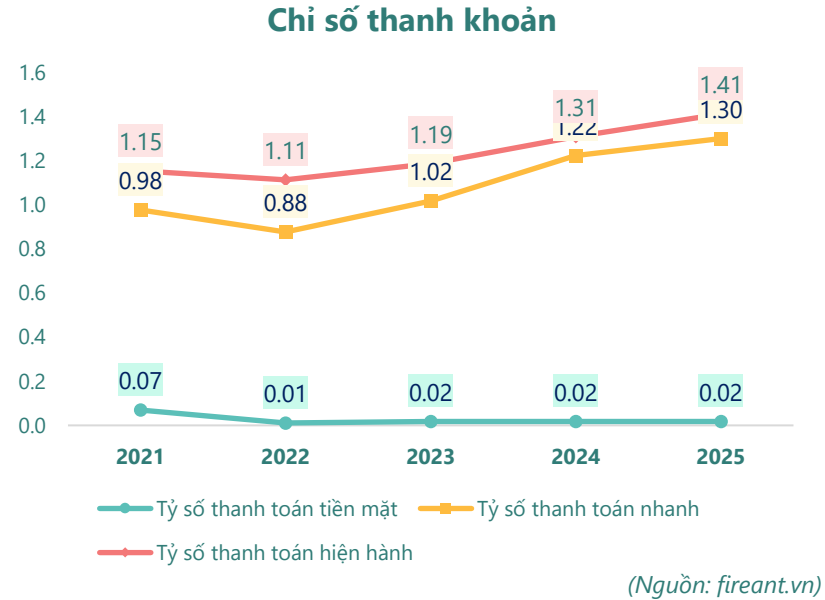
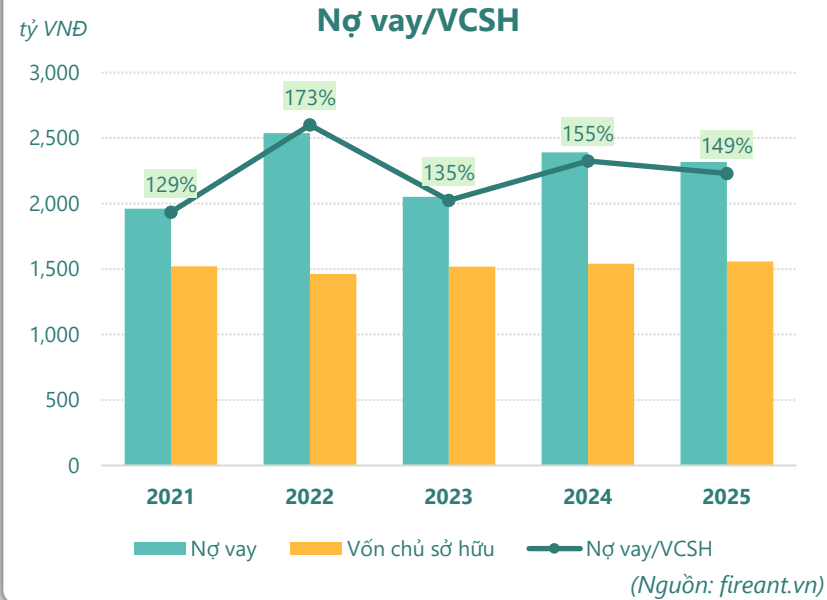
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	99.1	134	-26.0%	631	1,140	-44.7%
Giá vốn hàng bán	100	133	-24.6%	588	1,060	-44.6%
Lợi nhuận gộp	-1.14	1.00	-214%	42.8	80.2	-46.6%
Doanh thu HĐTC	48.9	89.7	-45.5%	258	260	-1.0%
Chi phí TC	64.8	69.9	-7.3%	230	264	-12.7%
Chi phí lãi vay	60.3	69.9	-13.8%	202	242	-16.4%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	14.8	13.1	12.6%	41.6	40.5	2.8%
LN thuần từ HĐKD	-31.8	7.73	-512%	28.6	36.3	-21.1%
Lợi nhuận khác	-1.52	-1.27	-19.8%	-3.37	-5.14	34.3%
LN trước thuế	-33.4	6.46	-617%	25.2	31.1	-18.9%
Lợi nhuận sau thuế	-27.2	4.92	-653%	18.3	25.6	-28.4%
LNST của CĐ cty mẹ	-27.5	4.80	-672%	18.4	25.3	-27.2%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-525	47.7	221	76.8	-454	258
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	103	79.0	-62.8	21.9	-0.71	-0.10
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	405	-75.4	-196	-124	442	-196
Tiền đầu kỳ	60.1	44.1	95.2	57.5	32.4	19.8
Lưu chuyển tiền thuần	-16.0	51.3	-37.7	-25.1	-12.6	61.9
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	44.1	95.4	57.5	32.4	19.8	81.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	7,360	7,656	-3.9%
Tài sản ngắn hạn	6,787	7,121	-4.7%
Tiền và tương đương tiền	81.6	95.2	-14.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	18.9	40.2	-53.0%
Phải thu ngắn hạn	6,042	6,417	-5.8%
Hàng tồn kho	535	466	15.0%
Tài sản ngắn hạn khác	109	103	5.7%
Tài sản dài hạn	573	535	7.0%
Phải thu dài hạn	28.7	28.7	0.0%
Tài sản cố định	217	232	-6.7%
Bất động sản đầu tư	195	200	-2.6%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	63.3	0	
Tài sản dài hạn khác	63.6	65.5	-2.9%
Lợi thế thương mại	5.65	8.87	-36.4%
Nợ phải trả	5,802	6,114	-5.1%
Nợ ngắn hạn	4,805	5,440	-11.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,408	1,725	-18.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,260	1,472	-14.4%
Nợ dài hạn	997	675	47.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	909	666	36.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,558	1,542	1.0%
Vốn chủ sở hữu	1,558	1,542	1.0%
Vốn điều lệ	891	891	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

